

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 5 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
nợ chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Tuấn.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành* - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lý* - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim L, sinh năm 1984.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Minh T, sinh năm 2006 và cháu Nguyễn Kim L, sinh năm 2011.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 2, xã Đức Phú, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962 và ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1961.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 2, xã Đức Phú, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

(Chị L, anh H, cháu Th, cháu L đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà S có mặt, ông M vắng mặt nhưng ủy quyền tham gia cho bà Sáu).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn – **chị Võ Thị Kim L** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim L với anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phú vào năm 2005. Sau khi kết hôn, chị L về làm dâu nhà anh H khoảng hơn 1 năm sau mới ra riêng. Ở địa phương hàng ngày chị L buôn bán hàng tạp hóa ở nhà còn anh H làm nghề thợ rừng. Cách đây khoảng 2 – 3 năm, chị L làm ăn thua lỗ, phải đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh nên vợ chồng xa cách, tình cảm lạnh nhạt, khi gặp thường cãi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Hiện nay chị L không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh H nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Võ Thị Kim L với anh Nguyễn Văn H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh năm 2006 và cháu Nguyễn Kim L, sinh năm 2011. Hiện nay hai cháu đang ở với anh H. Cháu T hiện tại đã nghỉ học, đang đi phụ việc cho anh H, còn cháu L vẫn đang đi học. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu L và đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vào ngày 12 tháng 3 năm 2016 âm lịch, chị Võ Thị Kim L có vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất bao nhiêu thì chị L không nhớ, trả gốc và lãi dưới hình thức góp hàng ngày. Khi vay, chị L viết giấy vay tiền cho bà Sáu, chị L công nhận chữ viết và chữ ký trong giấy nợ bà S cung cấp là của chị L. Sau đó, chị L tiến hành trả góp cho bà S hàng ngày nhưng không nhớ rõ một ngày góp bao nhiêu, sau đó đến tháng 4/2016 âm lịch bà S tính toán lại thì chị L còn thiếu vừa gốc vừa lãi chưa góp là 105.000.000 đồng; chị L có viết giấy nhận nợ cho bà S, chữ viết và chữ ký trong giấy bà Sáu cung cấp là của chị L. Như vậy, trong số tiền 105.000.000 đồng chị L nhận nợ vào tháng 4/2016 thì đã bao gồm có số tiền 50.000.000 đồng vay vào tháng 3/2016 âm lịch chứ đó không phải là hai khoản vay riêng biệt. Như vậy, hiện nay chị L xác định chỉ còn thiếu bà Sáu số tiền 105.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 01/4/2016 âm lịch chứ không phải thiếu số tiền 155.000.000 đồng như nội dung bà Sáu khởi kiện. Chị L xác định khi vợ chồng ly hôn thì giữa chị L và anh H đã thống nhất chị L sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho bà S, còn anh H có nghĩa vụ trả các khoản nợ khác cho ngân hàng.

[2]. Bị đơn – **anh Nguyễn Văn Hồng** trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H với chị Võ Thị Kim L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phú vào năm 2005. Ở địa phương hàng ngày chị L buôn bán hàng tạp hóa ở nhà còn anh H làm nghề thợ rừng. Ban đầu, sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng từ khoảng năm 2018 trở đi thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do chị L làm ăn kinh doanh thua lỗ, nghi ngờ ngoại tình với người khác nên vợ chồng cãi vã, mâu thuẫn nhau. Từ đó chị L bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh

làm ăn, vợ chồng ít quan tâm đến nhau và tình cảm lạnh nhạt dần. Hiện tại chị L cương quyết ly hôn thì anh H cũng đồng ý ly hôn với chị L chứ không có ý kiến gì.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh năm 2006 và cháu Nguyễn Kim L, sinh năm 2011. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T cho đến khi thành niên và đồng ý giao cháu L cho chị L nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Về khoản nợ chị Võ Thị Kim L vay của bà Nguyễn Thị S trước đây thì anh H không tham gia và cũng không biết. Thực tế khoản nợ này hiện nay còn thiếu lại bao nhiêu thì anh H không rõ. Khi ly hôn, anh H với chị L thống nhất anh H sẽ có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng còn chị L sẽ chịu trách nhiệm trả nợ vay của bà S. Do đó anh H không đồng ý cùng với chị L trả tiền nợ còn thiếu bà S mà đó là nghĩa vụ riêng của chị L.

[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – cháu Nguyễn Minh T trình bày: Cháu Nguyễn Minh T là con của chị Võ Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H. Hiện nay cháu Thắng đã nghỉ học và đang ở với anh H. Khi chị L và anh H ly hôn thì cháu T có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh H.

[4]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – cháu Nguyễn Kim L trình bày: Cháu Nguyễn Kim L là con của chị Võ Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H. Hiện nay cháu L đang học tại Trường Tiểu học Đức Phú 1. Khi chị L và anh H ly hôn thì cháu L có nguyện vọng được ở với chị L.

[5]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Võ Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà S số tiền 155.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ tháng 5/2016 đến tháng 4/2021. Bởi vì: Vào ngày 12/3/2016 âm lịch, chị L vay của bà S số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 01/4/2016 âm lịch, chị L tiếp tục vay của bà S số tiền 105.000.000 đồng; cả hai lần vay tiền thì chị L đều viết giấy vay tiền giao bà S cất giữ. Từ khi vay đến nay chị L làm ăn thất bại, không trả tiền vay gốc cho bà S. Hiện nay biết thông tin vợ chồng chị L giải quyết ly hôn nên bà S mới khởi kiện để yêu cầu vợ chồng chị L, anh H trả nợ. Căn cứ để bà S đưa ra yêu cầu là hai giấy nhận nợ chị L đã viết vào năm 2016 âm lịch mà bà S đã cung cấp cho Tòa án.

[6] Những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con chung và trích lục kết hôn.

- Bị đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Bản sao chứng minh nhân dân.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp: Giấy vay tiền, bản sao chứng

minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy ủy quyền.

- Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai của chị L, anh H, cháu T, cháu L, bà S và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị Võ Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị giao người con chung tên Nguyễn Kim L, sinh năm 2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 2006 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung lẫn nhau, không ai được ngăn cản.

Về nợ chung: Buộc chị Võ Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức M số tiền 155.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

Về án phí: Buộc chị Võ Thị Kim L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và buộc chị L, anh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (nghĩa vụ trả nợ chung).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Võ Thị Kim L, bị đơn – anh Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Đức M đều vắng mặt. Trong đó chị L và anh H đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, ông M đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị S. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn và giải quyết về quyền nuôi con chung khi ly hôn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung của nguyên đơn, bị đơn khi vợ chồng ly hôn, ngoài ra các đương sự đều không có yêu cầu nào khác. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,*

nợ chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú tại xã Đức Phú, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn – chị Võ Thị Kim L:* Qua ý kiến của các đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ, căn cứ giấy kết hôn mà nguyên đơn đã cung cấp, xác định được chị Võ Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phú vào năm 2005. Tuy vắng mặt tại phiên Tòa, nhưng theo nội dung lời khai và ý kiến đã trình bày có trong hồ sơ, tại các bút lục số 19, 53 và 54 chị L trình bày vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh H. Bởi vì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại chị L không còn tình cảm gì với anh H, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, cũng không quan tâm, chăm sóc gì nhau nên chị H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống mà cương quyết ly hôn. Về phần anh H, cũng vắng mặt tại phiên Tòa nhưng theo lời khai có trong hồ sơ, tại bút lục số 18, 53 và 54; anh Hồng cũng công nhận trong thời gian chung sống, vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; anh Hồng cũng đồng ý ly hôn với chị L chứ không có ý kiến gì. Như vậy, mục đích trong quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị L và anh H không đạt được, đời sống chung đã không được kéo dài nên cần xem xét xử cho chị L được ly hôn với anh Hồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Trong thời gian chung sống, chị Võ Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H có 02 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 2006 và Nguyễn Kim L, sinh năm 2011, hiện nay hai cháu đang ở với anh H. Thể hiện ý kiến về con chung khi ly hôn, tại các bút lục số 53 và 54 thì chị L và anh H cũng đã thống nhất giao cháu Loan cho chị L nuôi dưỡng và giao cháu T cho anh Hồng nuôi dưỡng, chị L và anh H không tranh chấp với nhau về quyền nuôi con chung. Do đó, cần tiếp tục giao cháu L cho chị L nuôi dưỡng và giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Chị L và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về nợ chung:*

[5.1]. *Về số tiền nợ gốc phải trả:*

Tại phiên Tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị S yêu cầu vợ chồng chị Võ Thị Kim L, anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Sáu số tiền là **155.000.000 đồng**. Căn cứ khởi kiện là 02 giấy vay tiền mà chị L

đã xác lập với bà S vào ngày 12/3/2016 âm lịch, vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 01/4/2016 âm lịch, vay số tiền 105.000.000 đồng.

Tuy vắng mặt tại phiên Tòa nhưng theo lời khai tại các bút lục số 46, 53 và 54 có trong hồ sơ; chị Võ Thị Kim L thừa nhận có vay tiền của bà S, chữ viết và chữ ký trong các giấy vay tiền bà S cung cấp là của chị L; nhưng hiện nay chỉ còn thiếu lại số tiền 105.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 01/4/2016 âm lịch, chứ không phải còn thiếu số tiền 155.000.000 đồng theo yêu cầu của bà S. Bởi vì số tiền xác lập theo giấy vay ngày 01/4/2016 âm lịch là bao gồm có cả số tiền 50.000.000 đồng của giấy vay tiền xác lập ngày 12/3/2016 âm lịch chứ đó không phải là hai khoản vay riêng; sau khi viết giấy vay tiền ngày 01/4/2016 thì chị L tin tưởng bà S nên không lấy lại giấy vay tiền xác lập ngày 12/3/2016.

Như vậy, ngoài việc công nhận có vay tiền của bà Sáu; chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền ngày 12/3/2016 âm lịch và ngày 01/4/2016 âm lịch đều do chị L viết thì chị L không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh rằng hiện nay chỉ còn thiếu bà S số tiền 105.000.000 đồng theo giấy vay tiền xác lập ngày 01/4/2016 âm lịch. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà S đối với chị L là có căn cứ được chấp nhận.

[5.2.]. Xét về số tiền lãi phát sinh:

Tại phiên Tòa, ngoài việc yêu cầu chị Võ Thị Kim L, anh Nguyễn Văn H phải trả tiền gốc đã vay, bà Nguyễn Thị S còn yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc này, từ thời điểm tháng 5/2016 đến tháng 4/2021, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định. Hội đồng xét xử nhận thấy chị L đã công nhận các giấy mượn tiền bà Sáu cung cấp là chữ viết của chị L. Theo nội dung các giấy mượn tiền thể hiện việc vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, không ghi lãi suất thỏa thuận; khi đến hạn mà bên vay không thực hiện trả tiền gốc thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 155.000.000 đồng x 64 tháng x 0,75%/tháng (Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 là 9%/năm) = 74.400.000 đồng.

[5.3]. Xét về nghĩa vụ trả nợ:

Theo lời trình bày của chị Võ Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H có trong hồ sơ vụ án thể hiện, quá trình vay tiền thì chỉ có chị L xác lập giao dịch với bà Nguyễn Thị S. Tuy nhiên, anh H biết việc chị L vay tiền của bà S và mục đích chị L vay tiền về để làm vốn kinh doanh cửa hàng tạp hóa, lợi nhuận thu được đều lo cho chi phí sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Mặt khác, chị L và anh H cho rằng khi ly hôn, vợ chồng đã thống nhất chị L sẽ có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà S, còn anh H trả nợ vay Ngân hàng nhưng không xuất trình được văn bản thỏa thuận của vợ chồng về nội dung này và cũng không cung cấp được tài liệu để chứng minh đây là khoản nợ riêng của chị L. Do đó Hội đồng xét xử xác định số tiền chị L đã vay của bà S vẫn là khoản nợ chung của chị L và anh H phát sinh

trong thời kỳ hôn nhân chứ không phải nợ riêng của chị L. Nên cần buộc anh Hồng phải có nghĩa vụ liên đới với chị L trả số tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh cho vợ chồng bà S là phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] *Về tài sản chung*: Chị Võ Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*:

Buộc chị Võ Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Buộc chị Võ Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền vay cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị Võ Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Đề nghị giao cháu Nguyễn Kim L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Minh T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc chị L và anh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S số tiền 155.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Buộc chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và buộc chị L, anh H phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm cho nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 1 Điều 56; các điều 27, 37, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.
- *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Giao cho chị Võ Thị Kim L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Nguyễn Kim L, sinh năm 2011 cho đến khi thành niên và giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 2006 cho đến khi thành niên. Chị L và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung lẫn nhau mà không ai được cản trở.

- *Về nợ chung:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc chị Võ Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức Mi số tiền 229.400.000 đồng, trong đó có 155.000.000 đồng tiền vay gốc và 74.400.000 đồng tiền lãi phát sinh. Chia phần chị L và anh H mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà S, ông M số tiền là 114.700.000 đồng.

Kể từ ngày 26/5/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về án phí:*

Buộc chị Võ Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0004558, ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Buộc chị Võ Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H phải nộp 11.470.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền 1.937.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004278, ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm công khai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/5/2021). Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (*Đã giải thích quyền kháng cáo*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- C.C Thi hành án;
- UBND xã Đức Phú (thay TB);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu VP, án văn, HSVA.

Hạ Hải Hồ